

Mục 1 - NHẬN DẠNG NGUYÊN LIỆU VÀ NHÀ CUNG CẤP

Văn Phòng Đại Diện Ensystem Company Limited
Tại Thành Phố Hồ Chí Minh
Tầng 4, Số 385A, Đường Cộng Hòa, Phường Tân Bình
Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 22539507

Tính chất hóa học: Chất hoạt động bề mặt silicon hữu cơ
Tên thương mại: ECOTHOR ACTIVE NATURE® EXONET™
Công dụng của sản phẩm: Theo thông tin trên nhãn
Ngày tạo: 02/2025
Phiên bản này được phát hành vào: 03/2026 và có hiệu lực trong vòng 5 năm tính từ tháng này.

Mục 2 - NHẬN DẠNG CÁC MỐI NGUY**Báo cáo về tính chất nguy hiểm**

Phân loại theo SUSMP: Không chỉ định.

Phân loại ADG: Không phải là hàng nguy hiểm theo Bộ luật ADG khi vận chuyển tại Úc bằng đường bộ hoặc đường sắt trong các gói 500 kg(L) hoặc ít hơn; hoặc trong các thùng chứa trung gian IBC (tham khảo SP AU01).

Phân loại theo IATA/IMDG/ADR/RID: Khi khối lượng/ thể tích tịnh trong mỗi bao bì đơn hoặc bên trong bao bì là 5 L hoặc ít hơn đối với chất lỏng, hoặc 5 kg hoặc ít hơn đối với chất rắn, hàng hóa có thể được vận chuyển như hàng hóa không nguy hiểm theo quy định đặc biệt A197 của IATA, quy định đặc biệt 375 của ADR/RID và mục 2.10.2.7 của Bộ luật IMDG. Sản phẩm này luôn được đóng gói ở mức 5 L hoặc ít hơn. Xem chi tiết trong Mục 14 của SDS này.

SỐ UN: 3082, CHẤT NGUY HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, CHƯA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CỤ THỂ.

Phân loại GHS:

Độc tính cấp tính – Hít phải: Loại 4

Kích ứng mắt: Loại 2

Nguy hại đối với môi trường nước, nguy hiểm lâu dài: Loại 2

**Tự hiệu GHS: CẢNH BÁO****THÔNG BÁO NGUY HIỂM:**

H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H332: Có hại nếu hít phải.

H411: Độc hại đối với thủy sinh có ảnh hưởng lâu dài.

PHÒNG NGỪA

P102: bảo quản xa tầm tay trẻ em.

P261: Tránh hít phải sương, hơi, dung dịch phun ra.

P264: Lau dọn kỹ những khu vực đã tiếp xúc sau khi xử lý.

P273: Tránh xả thải ra môi trường.

P280: Mang găng tay bảo hộ, kính bảo hộ.

PHẢN ỨNG

P312: Nếu cảm thấy không khỏe, hãy gọi đến trung tâm chống độc hoặc bác sĩ.

P304+P340: NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở trạng thái thoải mái để thở.

P305+P351+P338: NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P337+P313: Nếu kích ứng mắt vẫn còn: Tham khảo ý kiến bác sĩ.

P391: Thu thập chất đổ.

BẢO QUẢN**TIÊU HỦY**

P501: Thải bỏ sản phẩm và thùng chứa theo quy định ghi trên nhãn đã đăng ký.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Tổng quan về Tình trạng khẩn cấp

Mô tả vật lý & màu sắc: Dạng lỏng

Mùi: Mùi nhẹ, đặc trưng

Nguy hại sức khỏe lớn: Kích ứng mắt.

Khả năng gây ung thư:

SWA: Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo SWA

NTP: Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo NTP.

IARC: Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo IARC.

Mục 3 – Thành Phần/Thông Tin Về Thành Phần

Thành phần	Số CAS	Nồng độ, %	TWA (mg/m ³)	STEL (mg/m ³)
Polyalkyleneoxide modified heptamethyltrisiloxane	67674-67-3	93.5	Không thiết lập	Không thiết lập
Các thành phần không độc khác	Không được chỉ định	đến 100	Không thiết lập	Không thiết lập

Đây là sản phẩm thương mại mà tỉ lệ chính xác của các thành phần có thể thay đổi chút ít. Cũng có thể có một lượng nhỏ các thành phần không độc khác.

Giá trị phơi nhiễm SWA TWA là nồng độ không khí trung bình của một chất đặc biệt khi tính toán trên một ngày làm việc 8 tiếng bình thường đối với một tuần làm việc có 5 ngày. STEL (Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn) là một giá trị phơi nhiễm mà có thể bằng (nhưng không nên vượt quá) 15 phút và không nên lặp đi lặp lại hơn 4 lần mỗi ngày. Nên cách ít nhất 60 phút giữa những lần phơi nhiễm kế tiếp đối với STEL. Thuật ngữ "đỉnh" được sử dụng khi giới hạn TWA, vì hoạt động nhanh của một chất, không bao giờ được vượt quá, thậm chí trong một thời gian ngắn.

Mục 4 – Các Biện Pháp Sơ Cứu

Thông tin chung:

Bạn nên liên hệ ngay với bác sĩ hoặc bệnh viện nếu cảm thấy rằng mình có thể đã bị ngộ độc, bị bỏng hoặc bị kích ứng bởi sản phẩm này. Giữ SDS này khi gọi.

Hít vào: Nếu xuất hiện các triệu chứng ngộ độc, hãy liên hệ bác sĩ. Loại bỏ nguồn gây nhiễm hoặc đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành. Nếu khó thở, có thể sử dụng oxy nếu được thực hiện bởi nhân viên đã được đào tạo, tốt nhất theo chỉ định của bác sĩ.

Đánh vào da: Rửa nhẹ nhàng và kỹ bằng nước (sử dụng xà phòng không mài mòn nếu cần) trong 5 phút hoặc cho đến khi hóa chất được loại bỏ.

Đánh vào mắt: Lập tức rửa mắt bị nhiễm bẩn bằng nước ấm, chảy nhẹ trong 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết sản phẩm, đồng thời giữ mí mắt mở. Tránh để nước đã nhiễm bẩn chảy vào mắt không bị ảnh hưởng hoặc lên mặt. Cần được chăm sóc y tế ngay lập tức. Đặc biệt lưu ý nếu người bị nhiễm đang đeo kính áp tròng.

Nuốt phải: Nếu nuốt phải, KHÔNG gây nôn. Súc miệng kỹ bằng nhiều nước và liên hệ với bác sĩ. Nếu xảy ra nôn, giữ đầu nạn nhân thấp để tránh sản phẩm đi vào đường hô hấp.

Mục 5 – Biện Pháp Chữa Cháy

Mối nguy về cháy nổ: Nguy cơ chính trong các vụ cháy thường là hít phải những khí nóng và độc hoặc thiếu oxy (hoặc cả hai), khí cháy. Không có nguy cơ nổ từ sản phẩm này trong điều kiện bình thường nếu nó liên quan đến lửa.

Sản phẩm này có khả năng chỉ bị phân hủy khi bị gia nhiệt đến khô, sau đó tiếp tục bị gia nhiệt mạnh hơn

Các sản phẩm phân hủy do cháy từ sản phẩm này có thể độc nếu hít phải. Thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp

Phương tiện chữa cháy: Đối với đám cháy nhỏ, sử dụng bình chữa cháy dạng bọt, khí CO2 hoặc dạng bột. Đối với đám cháy lớn, sử dụng bọt hoặc phun sương nước.

Đội cứu hỏa: Nếu một lượng lớn sản phẩm liên quan đến đám cháy, gọi cho đội cứu hỏa.

Điểm bốc cháy: > 100°C

Giới hạn bắt cháy cao nhất: Không áp dụng

Giới hạn bắt cháy thấp nhất: Không áp dụng

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu

Phân loại tính cháy: Không áp dụng

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Mục 6 – Biện Pháp Xử Lý Rủi Ro

Xử lý rủi ro: Trong trường hợp đổ tràn lượng lớn, ngăn chặn hóa chất đi vào đường cống hoặc nguồn nước. Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ bao gồm bảo hộ mắt/mặt. Tất cả vùng da phải được che phủ. Xem mục 8 liên quan đến Tiêu chuẩn của Australia về thiết bị bảo hộ cá nhân. Nguyên liệu thích hợp cho quần áo bảo hộ bao gồm cao su, PVC. Thiết bị bảo hộ mắt/mặt nên bao gồm ít nhất kính bảo vệ. Nếu có nhiều khả năng là hơi hoặc sương tích tụ trong khu vực sạch, chúng tôi đề nghị các bạn sử dụng mặt nạ phòng độc. Thông thường, không cần sử dụng mặt nạ phòng độc khi sử dụng sản phẩm này. Tuy nhiên, nếu bạn có bất cứ nghi ngại nào thì tham khảo tiêu chuẩn của Australia như đã đề cập bên dưới (mục 8). Nếu không, thông thường không cần thiết.

Bịt chỗ bị rò nếu thấy an toàn và chứa lượng hóa chất tràn. Dùng cát, khoáng chất hoặc các vật liệu hấp phụ khác để hấp thụ. Nếu lượng đổ tràn quá lớn hoặc vật liệu hấp phụ không có sẵn, cố gắng đào rãnh để ngăn chặn hóa chất đi vào đường cống hoặc nguồn nước. Quét và xúc hoặc thu gom sản phẩm có thể phục hồi vào hộp dán nhãn tái chế và thải bỏ nhanh chóng. Tái chế các hộp dán nhãn ở nơi có thể sau khi vệ sinh cẩn thận. Tham khảo hướng dẫn cụ thể trên nhãn sản phẩm. Sau khi tràn, rửa khu vực ngăn chặn dòng chảy chảy vào cống. Nếu một lượng vật liệu đáng kể vào cống rãnh, hãy tư vấn cho các dịch vụ khẩn cấp. Chi tiết đầy đủ liên quan đến việc vứt bỏ các vỏ chai đã qua sử dụng, chất độn và vật liệu chưa sử dụng có thể được tìm thấy trên nhãn. Nếu có bất kỳ xung đột nào giữa SDS và nhãn này, các hướng dẫn trên nhãn sẽ chiếm ưu thế. Đảm bảo tính hợp pháp của việc xử lý bằng cách tham khảo các quy định trước khi thải bỏ. Giặt kỹ quần áo bảo hộ trước khi bảo quản hoặc tái sử dụng. Tư vấn nơi giặt quần áo về tính chất nhiễm bẩn khi gửi quần áo bị ô nhiễm đến giặt ủi.

Mục 7 – Quản Lý Và Lưu Trữ

Quản lý: Hạn chế thấp nhất phơi nhiễm với sản phẩm này, và giảm thiểu số lượng lưu giữ trong khu vực làm việc. Kiểm tra mục 8 của MSDS này để biết chi tiết các biện pháp bảo hộ cá nhân, và đảm bảo rằng các biện pháp được tuân thủ. Các biện pháp được mô tả chi tiết dưới phần "Bảo Quản" nên được tuân thủ trong quá trình xử lý để giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng tại nơi làm việc. Ngoài ra, tránh tiếp xúc hoặc gây ô nhiễm sản phẩm với các vật liệu không tương thích được liệt kê trong Mục 10.

Lưu trữ: Tuân thủ tất cả các quy định liên quan đến việc mua bán, vận chuyển và lưu trữ đối với nhóm chất độc này. Đảm bảo các bao bì chứa sản phẩm luôn được đóng kín. Đảm bảo sản phẩm không tiếp xúc với các chất được liệt kê trong mục "Không tương thích" tại Mục 10. Một số chế phẩm dạng lỏng có thể lắng hoặc tách lớp khi để yên và có thể cần khuấy trước khi sử dụng. Kiểm tra bao bì – có thể có thêm hướng dẫn bảo quản trên nhãn. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0 đến 35°C. Tránh nước và độ ẩm trong quá trình lưu trữ.

Mục 8 – Kiểm Soát Phơi Nhiễm Và Bảo Hộ Cá Nhân

Các tiêu chuẩn của Úc sau đây sẽ cung cấp tư vấn tổng quát về quần áo và thiết bị an toàn:

Thiết bị hô hấp: **AS/NZS 1715**, Găng tay bảo hộ: **AS 2161**, Quần áo bảo hộ lao động: bộ AS/NZS 4501 2008, Thiết bị bảo hộ mắt công nghiệp: **AS1336** và **AS/NZS 1337**, Giày bảo hộ lao động: **AS/NZS2210**.

Giới hạn phơi nhiễm SWA

TWA (mg/m³)

STEL (mg/m³)

Giới hạn phơi nhiễm không được thiết lập bởi SWA đối với bất kỳ thành phần quan trọng nào trong sản phẩm này.

Thông thường không cần thiết bị gì đặc biệt khi thỉnh thoảng xử lý với lượng nhỏ. Những hướng dẫn sau dành cho việc xử lý với số lượng lớn hoặc nơi thường phơi nhiễm trong môi trường nghề nghiệp xảy ra mà không có hệ thống ngăn chặn thích hợp.

Thông thoáng: Sản phẩm này nên được sử dụng ở khu vực thông gió tốt. Nếu thông gió tự nhiên không đủ, nên sử dụng quạt.

Bảo Vệ Mắt: Nên sử dụng các biện pháp bảo vệ mắt như kính bảo hộ hoặc kính chắn khi sử dụng sản phẩm này.

Bảo Vệ Da: Không nhất thiết phải có biện pháp bảo vệ da đặc biệt. Tuy nhiên, chúng tôi khuyên bạn nên duy trì thói quen tránh tiếp xúc với tất cả các sản phẩm hóa chất và nên đeo găng tay và quần áo bảo hộ phù hợp khi có khả năng tiếp xúc với da.

Các loại vật liệu bảo vệ: Chúng tôi đề nghị trang phục bảo hộ được làm từ những vật liệu sau: cao su, PVC.

Mặt nạ: Thông thường, không yêu cầu đeo mặt nạ phòng độc khi sử dụng sản phẩm này. Nếu có khả năng cao nồng độ hơi đáng kể tích tụ trong khu vực, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng mặt nạ nửa mặt với bộ lọc loại SA. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngại nào, hãy tham khảo Tiêu chuẩn của Úc đã đề cập ở trên. Nếu không, thường không cần thiết.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Mục 9 – Đặc Tính Lý Hóa

Ngoại dạng và màu sắc:	Dạng lỏng
Mùi:	Mùi nhẹ, đặc trưng
Điểm sôi:	Không có dữ liệu
Điểm đóng băng/ Nóng chảy:	Không có dữ liệu
Chất bay hơi:	Không có dữ liệu
Áp suất hơi:	Không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi nước:	Không có dữ liệu
Trọng lượng riêng:	Xấp xỉ 1.0
Tính tan trong nước:	Không tan, tạo nhũ tương
pH:	Không có dữ liệu

Mục 10 – Độ Ổn Định Và Khả Năng Phản Ứng

Khả năng phản ứng: Sản phẩm này không có khả năng phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện lưu trữ thông thường. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngờ, liên hệ với nhà cung cấp để được tư vấn về đặc tính thời hạn sử dụng.

Những điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ, độ ẩm cao. Bảo quản trong bao bì gốc được đóng kín ở nơi khô, mát, thoáng khí, tránh ánh nắng trực tiếp.

Chất không tương hợp: Không có dữ liệu.

Phân hủy bằng lửa: Sản phẩm này có khả năng chỉ phân hủy sau khi bị gia nhiệt đến khô, sau đó tiếp tục gia nhiệt mạnh. Quá trình cháy tạo ra carbon dioxide, và nếu không cháy hết có thể tạo ra carbon monoxide và có thể có khói. Nước cũng được tạo thành. Có thể tạo thành oxit carbon, oxit silica, formaldehyde. Ngộ độc carbon monoxide gây ra các triệu chứng đau đầu, suy nhược, buồn nôn, chóng mặt, lú lẫn, mờ mắt, rối loạn phán đoán và mất ý thức, có thể dẫn đến hôn mê và tử vong.

Sự trùng hợp: Sản phẩm này sẽ không trải qua phản ứng trùng hợp.

Mục 11 – Thông Tin Độc Chất

Độc tính: LD₅₀ cấp tính qua đường miệng và qua da của sản phẩm lớn hơn 5.000 mg/kg thể ở chuột. Được phân loại là có hại nếu hít phải và gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt. Không phải là chất gây mẫn cảm khi tiếp xúc qua da.

Sản phẩm không chứa thành phần nào có khả năng gây đột biến tế bào mầm, gây ung thư hoặc độc tính sinh sản. Dựa trên dữ liệu hiện có, sản phẩm không đáp ứng các tiêu chí phân loại của STOT-SE, STOT-RE và nguy cơ gây hại do hít phải.

Sự Phân Loại Các Thành Phần Độc Hại

Thành phần

Ký hiệu nguy hiểm

Không có thành phần nào được liệt kê trong cơ sở dữ liệu HSIS có mặt trong sản phẩm này ở nồng độ nguy hại.

Mục 12 – Thông Tin Sinh Thái

Sản phẩm này độc đối với sinh vật thủy sinh, có thể gây ảnh hưởng xấu lâu dài đến môi trường nước.

Độc tính sinh thái: Thông tin về hợp chất của sản phẩm (các hợp chất silica polymer):

Cá: Cá hồi vân (*Oncorhynchus mykiss*): LC₅₀ (96 giờ) 4,5 mg/L, NOEC (96 giờ) 3,2 mg/L

Động vật không xương sống thủy sinh: *Daphnia* (*Daphnia magna*): EC₅₀ (48 giờ) 24 mg/L, NOEC (48 giờ) 5,6 mg/L

Độ bền và khả năng phân hủy: Siloxan được loại bỏ khỏi nước thông qua quá trình lắng và hấp phụ vào bùn. Trong đất, siloxan trải qua quá trình phân hủy.

Khả năng tích lũy sinh học: Không có dữ liệu.

Độ di động trong đất: Không có dữ liệu.

Các tác động bất lợi khác: Không có dữ liệu.

Mục 13 – Phương Cách Thải Bỏ

Thải bỏ: Hướng dẫn liên quan đến việc thải bỏ sản phẩm này và các thùng chứa của nó được ghi trên nhãn sản phẩm. Cần tuân thủ cẩn thận các hướng dẫn này.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Mục 14 – Thông Tin Vận Chuyển

Số UN: 3082
Tên vận chuyển đúng của UN: CHẤT NGUY HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, CHƯA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CỤ THỂ (Chứa Polyalkyleneoxide modified heptamethyltrisiloxane)
Nhóm vận chuyển: 9
Nhóm đóng gói: III
Nguy hại cho môi trường: Có
Theo Quy định Đặc biệt AU01 của Úc, các Chất Nguy Hại Cho Môi Trường phù hợp với mô tả UN3082 không thuộc phạm vi áp dụng của Bộ luật này (ADG 07) khi được vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt trong trường hợp:
a) Bao bì không bao gồm vật chứa vượt quá 500 kg (L); hoặc
b) Các thùng chứa trung gian (IBCs).
Các Chất Gây Ô Nhiễm Biển được chỉ định số UN 3077 và 3082 trong bao bì đơn lẻ hoặc kết hợp chứa số lượng tịnh trên mỗi bao bì đơn lẻ hoặc bao bì bên trong là 5 L trở xuống đối với chất lỏng hoặc có khối lượng tịnh trên mỗi bao bì đơn hoặc bao bì bên trong là 5 kg trở xuống đối với chất rắn có thể được vận chuyển như hàng hóa không nguy hiểm theo quy định tại mục 2.10.2.7 của bộ luật IMDG, điều khoản đặc biệt A197 của IATA, và điều khoản đặc biệt 375 của ADR/RID.
Vật liệu này không phải là vật liệu nguy hiểm theo định nghĩa của Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ theo 49 CFR Phần 100 đến 185, trừ khi được vận chuyển trong bao bì khối lượng lớn. Phân loại này chỉ áp dụng cho việc vận chuyển trong bao bì khối lượng lớn [>119 gal, dạng lỏng] hoặc (882 lb, dạng rắn)].

Mục 15 - Thông Tin Quy Định

AICS: Tất cả các thành phần quan trọng trong công thức tuân thủ theo các quy định của NICNAS.

Mục 16 – Thông Tin Khác

SDS này chỉ chứa thông tin liên quan đến an toàn. Đối với dữ liệu khác, xem các tài liệu về sản phẩm.

Nếu có bất cứ mâu thuẫn nào giữa SDS này và nhãn sản phẩm đã đăng ký, xin tham khảo thông tin trên nhãn.

Từ viết tắt:

ADG Code	Luật vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ và đường sắt của Úc (ấn bản thứ 7)
AICS	Bảng tóm tắt của các chất hóa học Úc
SWA	An Toàn Lao Động Úc, tiền thân là ASCC và NOHSC
CAS number	Số đăng ký CAS (Dịch vụ tóm tắt hóa chất)
Hazchem Code	Mã số hoặc chữ cái cho hành động khẩn cấp nhằm cung cấp thông tin cho các dịch vụ khẩn cấp, đặc biệt là lính cứu hỏa
IARC	Cơ quan nghiên cứu quốc tế về ung thư
NOS	Không có chỉ định khác
NTP	Chương trình độc chất quốc gia (Hoa Kỳ)
R-Phrase	Ký hiệu nguy hiểm
SUSMP	Tiêu chuẩn về danh mục thống nhất của thuốc & chất độc
UN Number	Số UN

SDS NÀY TỔNG KẾT NHỮNG KIẾN THỨC TỐT NHẤT CỦA CHÚNG TÔI VỀ THÔNG TIN CÁC MÔI NGUY ĐẾN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA SẢN PHẨM, VÀ CÁCH XỬ LÝ AN TOÀN VÀ CÁCH SỬ DỤNG SẢN PHẨM TẠI NƠI LÀM VIỆC. MỖI NGƯỜI SỬ DỤNG PHẢI XEM KỸ SDS NÀY TRONG MỤC SẢN PHẨM SẼ ĐƯỢC XỬ LÝ VÀ SỬ DỤNG NHƯ THẾ NÀO TẠI NƠI LÀM VIỆC.

NẾU VIỆC LÀM RÕ HOẶC BIẾT THÊM THÔNG TIN LÀ CẦN THIẾT ĐỂ CÓ THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ RỦI RO THÍCH HỢP, NGƯỜI SỬ DỤNG NÊN LIÊN HỆ CÔNG TY CHÚNG TÔI ĐỂ CHÚNG TÔI CÓ THỂ CÓ GÁNG THU THẬP THÊM THÔNG TIN TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA CHÚNG TÔI.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHÚNG TÔI VỀ SẢN PHẨM ĐƯỢC BÁN TÙY THUỘC VÀO CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN CỦA CHÚNG TÔI, MỘT BẢN SAO TRONG SỐ ĐÓ SẼ ĐƯỢC GỬI ĐẾN KHÁCH HÀNG VÀ LUÔN CÓ SẴN THEO YÊU CẦU.

®™ Các nhãn hiệu thương mại của Ensystex, Inc., được sử dụng theo giấy phép.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Phát hành: VPĐD Ensystex Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 22539507